

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/HSST

Ngày: 02/3/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm:

-Ông Bùi Tấn Khoa – Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy Bắc Bình

-Bà Vương Thị Mỹ Lý – Giáo viên hưu trí

+Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

**+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:
Ông Tần Đình Thống-Kiểm sát viên.**

Ngày 02 tháng 3 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2017/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2017 đối với:

-Bị cáo: Nguyễn Đức V (Nh), sinh ngày 20/7/1997 tại tỉnh Quảng Ngãi.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Th, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Thọ Kh, sinh năm 1971 và bà Đinh Thị Th, sinh năm 1976. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt ngày 29/9/2016, có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975; trú tại: ấp P, xã Ph, thị xã C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 25/9/2016, Nguyễn Đức V (tức Nh), sinh ngày 20/7/1997, trú tại thôn T, xã Th, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đang chơi tại quán Đàm Sen thuộc huyện M, thành phố Hồ Chí Minh được H (tức Nguyễn Văn T) là người quen ở cùng quê với V, gọi điện thoại rủ V đi chơi ở khu du lịch M,

thành phố X (thuộc tỉnh Bình Thuận), V đồng ý. Sau đó, H cùng bạn là T và Tr chạy 02 xe mô tô chở theo V ra ngã tư A, thành phố Hồ Chí Minh để đón xe khách ra Bình Thuận; Tr chở H bằng xe mô tô hiệu Airblade, biển số 86B3-324.06; T chở V bằng xe mô tô hiệu SH Mode, biển số 86B3-327.25 (T và Tr là những người Việt mới quen thông qua H, V không rõ lai lịch)

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì H đón xe khách Y (chạy tuyến thành phố Hồ Chí Minh đi Quảng Ngãi), H, T và Tr đưa 02 xe mô tô hiệu Airblade, biển số 86B3-324.06 và xe mô tô hiệu SH Mode, biển số 86B3-327.25 lên xe khách Hoàng H, T bảo H và V lên xe khách đi ra Bình Thuận trước, T và Tr ra sau.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, xe khách Y chạy đến khu vực thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận thì V, H xuống xe và lấy 02 mô tô biển số 86B3-324.06 và biển số 86B3-327.25 xuống. H chạy xe mô tô hiệu Airblade, biển số 86B3324.06, V chạy xe SH Mode, biển số 86B3-327.25 tìm nhà nghỉ. Đến trưa ngày 26/9/2016, H điều khiển xe mô tô biển số 86B3-327.25 tìm nhà nghỉ và đến nhà nghỉ O ở thị trấn L, huyện B thuê phòng nghỉ; đến trưa ngày 26/9/2016, H điều khiển xe mô tô hiệu SH Mode biển số 86B3-327.25 chở V đến bãi cát khu du lịch M chơi; khoảng 15 giờ cùng ngày H nghe điện thoại, sau khi nghe điện thoại xong, H chở V về lại L, đến quán cà phê gần trường tiểu học L1 thì gặp T và Tr ngồi uống cà phê tại đây, Tr lấy xe mô tô hiệu SH Mode, biển số 86B3-327.25 chạy đến tiệm cầm đồ U ở khu phố K, thị trấn L, huyện B do Phạm Thị Diễm V làm chủ, cầm thế với số tiền 35.000.000 đồng, Phạm Thị Diễm V không biết xe mô tô trên do phạm tội mà có nên đồng ý cho cầm, thế. Sau khi cầm thế xe mô tô xong, T và Trường giao xe mô tô hiệu Exciter (không rõ biển số) lại cho H (xe do T và Tr chạy từ thành phố Hồ Chí Minh ra) và đón xe khách về lại thành phố Hồ Chí Minh, H chạy xe mô tô Exciter chở V về nhà nghỉ O. Đến tối ngày 27/9/2016, T và Tr mỗi người chạy 01 mô tô (không rõ biển số) hiệu SH Mode và hiệu Airblade ra lại thị trấn L, rồi đến nhà nghỉ O gặp H và V ngủ qua đêm tại đây.

Đến khoảng 10 giờ ngày 28/9/2016, tại nhà nghỉ O, T lấy 02 giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Phan Văn V có dán hình thẻ của V (do trước đó V đưa 02 hình thẻ cho T và nghĩ để T làm hồ sơ xin việc làm cho V) và 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 86B3-324.06 và xe mô tô 86B3-324.17 mang tên Phan Văn V đưa cho V và bảo V chạy xe mô tô hiệu Airblade, biển số 86B3-324.06 đi cầm thế với giá 25.000.000 đồng, nếu cầm được T sẽ cho V từ 01 triệu đến 02 triệu đồng. Lúc này, V biết được xe mô tô hiệu Airblade, biển số 86B3-324.06 là tài sản do phạm tội mà có, nhưng vì cần tiền nên V đồng ý. V cầm 02 giấy chứng minh nhân dân giả, 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả và chạy xe mô tô hiệu Airblade, biển số 86B3-324.06 đến tiệm cầm đồ U ở khu phố K, thị trấn L, huyện B gặp V cầm thế xe với giá 25.000.000 đồng; vợ chồng V kiểm tra giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và nghi ngờ xe mô tô hiệu Airblade, biển số 86B3-324.06 là xe gian, nên vợ

chồng V tìm cách kéo dài thời gian giao dịch và báo cho Công an thị trấn L biết sự việc; khi Công an thị trấn L đến tiệm cầm đồ U thì V nhìn thấy và bỏ chạy, đồng thời điện thoại báo tin cho đồng bọn biết sự việc bị công an phát hiện, sau đó V bị truy đuổi và bị bắt giữ đưa về trụ sở Công an thị trấn L làm việc. Tại đây, V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Theo Biên bản định giá và Kết luận định giá tài sản số 43/2016/HĐĐG-TTHS ngày 02/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Bình, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade (có gắn biển số giả là: 86B3-324.06), màu đỏ đen, số khung: RLHJF4611EZ406530, số máy: JF46E-7034699, mua tháng 01/2015. Đơn giá 36.200.000 đồng/chiếc, tỷ lệ sử dụng còn lại 50%. Thành tiền: 36.200.000 đồng/chiếc x 50% = 18.100.000 đồng (*Mười tám triệu một trăm nghìn đồng*).

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode (có gắn biển số giả là: 86B3-327.25), màu xanh nâu, số khung: RLHJF5105DY026955, số máy: JF51E-0026962, mua tháng 12/2013, có biển số thật là 60F1-288.82 của chị Đặng Thị Mỹ U ở số 33, khu phố 02, phường Q, thành phố G, tỉnh Đồng Nai. U khai mất vào ngày 24/9/2016 tại nhà, có trình báo tại Công an phường Q về việc mất xe. Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Bình đã chuyển tin báo cùng hồ sơ tang vật đến Cơ quan điều tra thành phố G, tỉnh Đồng Nai để xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các đối tượng liên quan trong vụ án có tên là H (tức Nguyễn Văn T) đã bỏ địa phương (thôn T, xã Th, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) đi đâu không rõ; T và Tr không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về tang, vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô biển số 86B3-324.06 (biển số giả), nhãn hiệu Honda, số loại Airblade (có gắn biển số giả là: 86B3-324.06), màu đỏ đen, số khung: RLHJF4611EZ406530, số máy: JF46E-7034699; 02 giấy chứng minh nhân dân cùng số seri: 260888556 mang tên Phan Văn V (có dán hình thẻ của V); 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86B3-324.06 và biển số 86B3-324.17 cùng mang tên Phan Văn V; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86B3-327.25 mang tên Tr Xuân H; 01 điện thoại di động màu đen có ghi nhãn hiệu Nokia; 01 đồng hồ đeo tay, hiệu OMEGA, mặt đồng hồ màu vàng, dây đeo bằng da; 01 ví da màu nâu, bên trong có tiền mặt 410.000 đồng, gồm: 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng, 09 tờ mệnh giá 10.000 đồng và 06 tờ vé số của tỉnh Sóc Trăng loại K4T09, mở ngày thứ tư ngày 28/9/2016. Cơ quan điều tra sẽ chuyển vào kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình để xử lý theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade (có gắn biển số giả là: 86B3-324.06), màu đỏ đen, số khung: RLHJF4611EZ406530, số máy: JF46E-7034699, mua tháng 01/2015, có biển số thật là 67H1-251.41 của chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975, ở ấp P, xã Ph, thị xã C, tỉnh An Giang. Th khai

mất vào ngày 25/9/2016 tại phòng trọ ở phường L1, thành phố G, tỉnh Đồng Nai và có đến Công an phường L1 trình báo mất xe. Sau khi tổ chức định giá tài sản và xác định được chị Th là chủ sở hữu chiếc xe mô tô, Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho chị Th là đúng quy định pháp luật.

Tại Cáo trạng số 03/QĐ/KSĐT/VKS-HS ngày 18/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức V về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức V thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ, đủ cơ sở để kết luận:

Thông qua H (tức Nguyễn Văn T), là bạn cùng quê Quảng Ngãi, bị cáo Nguyễn Đức V quen biết với hai người tên T và Tr (không rõ lai lịch), bị cáo đồng ý cùng những người này đến thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận để cầm cố xe gian có gắn biển số giả lấy tiền tiêu xài.

Vào khoảng 10 giờ ngày 28/9/2016, tại nhà nghỉ O thuộc thị trấn L, huyện B, T lấy 02 giấy chứng minh nhân dân giả có dán hình thẻ của bị cáo Nguyễn Đức V và 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 86B3-324.06 và xe mô tô 86B3-324.17 đều mang tên Phan Văn V đưa cho bị cáo V và bảo bị cáo V đi cầm xe mô tô hiệu Airblade, biển số 86B3-324.06 với giá 25.000.000 đồng, thì được cho tiền từ 01 triệu đến 02 triệu đồng, bị cáo Nguyễn Đức V đồng ý thực hiện. Khi bị cáo V đến tiệm cầm đồ U của chị Phạm Thị Diễm V ở khu phố K, thị trấn L, huyện B cầm thế xe mô tô này với giá 25.000.000 đồng; chị V nghi ngờ đây là xe gian, nên báo cho Công an thị trấn L biết sự việc, khi thấy Công an thị trấn L đến thì bị cáo V bỏ chạy, Công an tiến hành truy đuổi và bắt bị cáo Nguyễn Đức V đưa về trụ sở làm việc. Tại đây, bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Đức V biết xe mô tô hiệu Airblade, biển số 86B3-324.06 (biển số giả) là xe gian nhưng vẫn đồng ý mang đi cầm cố để lấy tiền và bị phát hiện nên đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù;

Xét ý kiến luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Nguyễn Đức V biết xe mô tô Airblade, màu đỏ đen, số khung RLHJF4611EZ406530, số máy JF46E-7034699, gắn biển số giả 86B3-324.06, là tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng vẫn đồng ý mang đi cầm cố, thế chấp nhằm chiếm đoạt tiền của người khác. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là tiếp tay cho việc trộm cắp tài sản của người khác để tiêu thụ trái pháp luật, nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây nguy hiểm cho đời sống xã hội. Do đó, bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc trước pháp luật, cần cách ly bị cáo một thời gian nhất định để cải tạo và giáo dục bị cáo thành công dân tốt, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Xe mô tô Airblade do bị cáo Nguyễn Đức V mang đi tiêu thụ đã được thu hồi giao trả cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tang, vật chứng trong vụ án: 02 giấy chứng minh nhân dân cùng số seri: 260888556 mang tên Phan Văn V (có dán hình thẻ của V); 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86B3-324.06 và biển số 86B3-324.17 cùng mang tên Phan Văn V; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86B3-327.25 mang tên Trịnh Xuân H, đã được giám định là giả nên cần phải tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động màu đen có ghi nhãn hiệu Nokia, bị cáo dùng để liên lạc với đồng bọn trong việc phạm tội nên bị tịch thu sung quỹ; 01 đồng hồ đeo tay, hiệu OMEGA, mặt đồng hồ màu vàng, dây đeo bằng da; 01 ví da màu nâu, bên trong có tiền mặt 410.000 đồng, gồm: 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng, 09 tờ mệnh giá 10.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo. 06 tờ vé số của tỉnh Sóc Trăng loại K4T09, mở ngày thứ tư ngày 28/9/2016 không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với những người có tên H (Nguyễn Văn T) không có mặt ở địa phương, T, Tr không rõ lai lịch nên tiếp tục xác minh làm rõ là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

-Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

-Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức V **12 (mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 29/9/2016.

-Áp dụng: Khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+Tịch thu tiêu hủy: 02 giấy chứng minh nhân dân cùng số seri 260888556 mang tên Phan Văn V (có dán hình thẻ của V); 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86B3-324.06 và biển số 86B3-324.17 cùng mang tên Phan Văn V; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86B3-327.25 mang tên Trịnh Xuân H; 06 tờ vé số của tỉnh Sóc Trăng loại K4T09, mở ngày thứ tư ngày 28/9/2016 không còn giá trị sử dụng.

+Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động màu đen có ghi nhãn hiệu Nokia.

+Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức V 01 đồng hồ đeo tay hiệu Omega, mặt đồng hồ màu vàng; 01 ví da màu nâu và số tiền 410.000 (bốn trăm nghìn) đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo việc thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình ngày 19/01/2017)

-Áp dụng: Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/3/2017), người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

-VKSND huyện Bắc Bình;
-Công an huyện Bắc Bình;
-Bị cáo, bị hại;
-THADS huyện Bắc Bình;
-Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền